

Số: 84/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO

### **Kết quả khảo sát tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Quyết định số 78/QĐ-HĐND ngày 21/01/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc thành lập đoàn khảo sát “*tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*”, từ ngày 18/02/2019 đến ngày 08/03/2019 Ban Dân tộc HĐND tỉnh tiến hành khảo sát tại Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện: Đức Cơ, Kbang, Chư Sê, Mang Yang, Ia Grai, Chư Prông; đồng thời xem xét các báo cáo của các đơn vị được khảo sát gián tiếp qua báo cáo<sup>1</sup>. Trên cơ sở đó, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả khảo sát như sau:

#### **A. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

##### **I. Kết quả đạt được**

##### **1. Tình hình triển khai, chỉ đạo thực hiện**

##### **1.1 Tình hình đặc điểm cơ bản của địa phương:**

Gia Lai là tỉnh vùng cao nằm ở phía bắc vùng Tây nguyên, có diện tích tự nhiên 1.551.098,53 ha, với 34 dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh. Dân số toàn tỉnh khoảng 1,46 triệu người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 44,37% (dân tộc Jrai chiếm 29,07%, dân tộc Bahnar 11,92%, các dân tộc khác chiếm 3,38%). Toàn tỉnh có 17 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện) với 222 xã, phường, thị trấn và 2.161 thôn, làng, tổ dân phố. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2017 chiếm 13,34% tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 86,5% tổng số hộ nghèo.

##### **1.2 Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện:**

- Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025*”, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5762/KH-UBND ngày 17/12/2015 về thực hiện Đề án “*Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh (là cơ quan Thường trực) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, Ban Dân tộc tỉnh ban

<sup>1</sup> Đến thời điểm khảo sát Sở Tài chính, sở Kế hoạch - Đầu tư, UBND các huyện Chư Pưh, Chư Păh, Phú Thiện và thị xã An Khê chưa báo cáo.



hành các văn bản<sup>2</sup> và phối hợp với các sở ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020” (gọi tắt là Đề án).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020”.

### **1.3 Công tác phổ biến, tuyên truyền:**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lĩnh vực hôn nhân và gia đình nói chung và tảo hôn, hôn nhân cận huyết nói riêng đã được các cơ quan chuyên môn quan tâm, chú trọng thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức như: xây dựng các phóng sự phát sóng trên Đài truyền hình, truyền thanh, sổ tay, tờ gấp, pano, áp phích, khẩu hiệu; tập huấn, trợ giúp pháp lý.....

- Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, vận động “giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” với các hoạt động giao lưu văn hóa, lễ hội, các hoạt động hòa giải tại cộng đồng, hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cho người uy tín, già làng, trưởng thôn.

## **2. Thực trạng và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về hôn nhân, gia đình (tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống) trên địa bàn tỉnh:**

### **2.1 Tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn tỉnh trước khi có Đề án:**

Theo số liệu tại báo cáo số 152/BC-STP của Sở Tư pháp ngày 08/10/2015 về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến hết tháng 6 năm 2015, toàn tỉnh có 4.766 cặp tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Cụ thể:

+ *Tảo hôn*: 4.406 cặp. Trong đó:

Năm 2010: 753 cặp.

Năm 2011: 778 cặp.

Năm 2012: 741 cặp.

Năm 2013: 790 cặp.

Năm 2014: 808 cặp.

Sáu tháng đầu năm 2015: 536 cặp.

+ *Hôn nhân cận huyết thống*: 360 cặp.

### **2.2 Sau khi triển khai thực hiện Đề án:**

Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh, sau 03 năm triển khai thực hiện Đề án (2016-2018), trên địa bàn tỉnh hiện có 4.191 cặp tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Trong đó, dân tộc thiểu số (DTTS) là 4.047 cặp, chiếm tỷ lệ 96,56%. Cụ thể:

<sup>2</sup> Công văn số 296/BDT-PCS ngày 09/9/2015, công văn số 230/BDT-CSDT ngày 02/6/2016, công văn số 205/BDT-CSDT ngày 08/5/2017, công văn số 383/BDT-CSDT ngày 13/7/2018 hướng dẫn cho các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020” trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.



+ *Tảo hôn*: Có 4.110 cặp (người DTTS là 3.966 cặp, chiếm tỷ lệ 96,49%). Trong đó:

Năm 2016: 1.513 cặp.

Năm 2017: 1.495 cặp.

Năm 2018: 1.102 cặp.

+ *Hôn nhân cận huyết thống*: Có 81/81 cặp là người DTTS, chiếm tỷ lệ 100%. Trong đó, năm 2016: 15 cặp; năm 2017: 52 cặp; năm 2018: 14 cặp.

*(có biểu mẫu kèm theo)*

**2.3 Tổng kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2016-2018** là 1.683 triệu đồng. Trong đó, kinh phí Trung ương bổ sung là 760 triệu đồng, kinh phí địa phương phân bổ là 923 triệu đồng. Cụ thể:

- Năm 2016 Trung ương cấp 200 triệu đồng phân bổ (Ban Dân tộc tỉnh: 30 triệu đồng; huyện Kbang: 50 triệu đồng; các huyện Chư Prông, Chư Sê, Đak Đoa, Mang Yang, Kông Chro, Krông Pa: 20 triệu đồng/huyện).

- Năm 2017 Trung ương không cấp kinh phí.

- Năm 2018 kinh phí 1.483 triệu đồng (trong đó kinh phí Trung ương 560 triệu đồng, địa phương 923 triệu đồng).

#### **2.4 Hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin, truyền thông**

- Tổ chức 03 Hội nghị với gần 180 lượt người tham dự, 18 lớp tập huấn với hơn 1.948 người tham gia; xây dựng và phát sóng 3 phóng sự dài và 30 phóng sự ngắn tuyên truyền Đề án và các chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình phát sóng trên Đài truyền hình tỉnh Gia Lai.

- Tổ chức biên soạn, cung cấp thông tin bằng đĩa truyền thông<sup>3</sup>; Tờ gấp<sup>4</sup>; Sổ tay tuyên truyền<sup>5</sup> và cụm Pano<sup>6</sup> nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình; những nguy cơ, hậu quả của tảo hôn và kết hôn cận huyết thống bằng ngôn ngữ phổ thông, dịch ra tiếng Bahnar và Jrai trên cơ sở Luật Hôn nhân và gia đình và các văn bản liên quan khác. Nội dung tuyên truyền do Trung ương xây dựng và cung cấp...

#### **2.5 Mô hình điểm:**

Giai đoạn 2016-2018, tỉnh Gia Lai mới thực hiện 01 Mô hình điểm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại xã Krong, huyện Kbang với tổng kinh phí là 120 triệu đồng (*40 triệu đồng/năm*). Cụ thể: Tổ chức 03 lớp tập

<sup>3</sup> Nhân bản đĩa truyền thông từ Trung ương và cấp phát (340 đĩa CD và 340 đĩa VCD) cho cấp huyện;

<sup>4</sup> Cấp phát Tờ gấp tuyên truyền từ Trung ương (250 tờ gấp tuyên truyền “Nói không với tảo hôn” và 250 tờ gấp tuyên truyền “Nói không với hôn nhân cận huyết thống”); Biên soạn và cấp phát 33.300 tờ gấp tuyên truyền Đề án (150 tờ/xã);

<sup>5</sup> Nhân bản Sổ tay tuyên truyền từ Trung ương và cấp phát: 292 cuốn Sổ tay tuyên truyền viên cơ sở; 373 cuốn Sổ tay hỏi - đáp pháp luật về hôn nhân và gia đình (song ngữ: Việt - Jrai); 145 cuốn Sổ tay hỏi - đáp pháp luật về hôn nhân và gia đình (song ngữ: Việt - Bahnar);

<sup>6</sup> Xây dựng và lắp đặt 13 cụm pano tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn 13 huyện: Mang Yang, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh, Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Kông Chro, Đak Đoa, Kbang, Chư Păh, Ia Grai.



huấn tuyên truyền với gần 260 người tham gia; tổ chức 02 đợt tuyên truyền lưu động với 1.000 lượt người dân tham dự (chủ yếu là các phóng sự, phim tài liệu, hình ảnh liên quan đến nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số). Cấp phát 150 cuốn Sổ tay tuyên truyền viên cơ sở; 150 cuốn Sổ tay hỏi - đáp pháp luật về hôn nhân và gia đình (song ngữ: Việt - Bahnar) làm Tài liệu tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ tham gia Đề án cấp xã; xây dựng và lắp đặt 01 cụm pano tuyên truyền Đề án tại UBND xã Krong, huyện Kbang.

### **Đánh giá chung**

Qua khảo sát, Ban nhận thấy tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn một số huyện trong những năm qua có chiều hướng giảm dần theo từng năm. Riêng tình trạng hôn nhân cận huyết thống, một số huyện trên địa bàn tỉnh hầu như không còn vi phạm như Mang Yang, Đak Doa, Chư Păh, Ia Grai, Kông Chro, thị xã Ayun Pa, thành phố Pleiku. Từ đó cho thấy có sự thay đổi nhận thức của người dân, nhất là người dân vùng DTTS về hôn nhân và gia đình, góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Thông qua công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, người dân đã hiểu và nắm bắt được các quy định của pháp luật, tình hình vi phạm pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được hạn chế, tạo nên ý thức chủ động, tích cực tìm hiểu pháp luật và thói quen chấp hành pháp luật của nhân dân.

- Một số địa phương tổ chức các phiên tòa giả định, xây dựng các phóng sự chuyên đề để tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân nhất là các em tuổi vị thành niên và cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên; đưa các quy định về phòng, chống tảo hôn vào xây dựng hương ước, quy ước, bình xét gia đình văn hóa, làng, tổ dân phố văn hóa.

### **II. Tồn tại, hạn chế**

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, một số ban, ngành, đoàn thể chưa thật sự quan tâm sâu sát và chỉ đạo quyết liệt trong quá trình triển khai thực hiện nên tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn còn xảy ra nhiều trên địa bàn và có chiều hướng gia tăng (huyện Ia Grai, Krông Pa, Đăk Doa....). Số lượng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống so với trước khi thực hiện đề án số cặp tảo hôn ngày càng tăng (giai đoạn 2010 – 2015 chỉ có 4.406 cặp, riêng chỉ trong 3 năm từ 2016-2018 đã có 4.110 cặp).

- Tình trạng hôn nhân cận huyết thống vẫn còn diễn ra tại các địa phương chủ yếu là người đồng bào DTTS như huyện Krông Pa: 52 cặp; Chư Sê: 08 cặp; Chư Prông: 05 cặp; Ia Pa, Kbang, Chư Puh: 03 cặp. Tình trạng tảo hôn ở một số xã không giảm, thậm chí tăng như xã Ia O, Ia Dêr, Ia Pêch (huyện Ia Grai), KonPne (huyện Kbang), Ia Kla (Đức Cơ)... Vẫn còn tình trạng con em cán bộ, đảng viên vi phạm tảo hôn (như huyện Mang Yang 15 trường hợp).

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các thôn, làng còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.



- UBND tỉnh chưa chủ động bố trí nguồn ngân sách của địa phương nên việc thực hiện Đề án chưa được thường xuyên và liên tục.

- Hình thức tuyên truyền vận động chưa phong phú, phù hợp với thực tế nên chưa tạo sự thu hút đối với các đối tượng tuổi vị thành niên và cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên quan tâm đến vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Công tác phối hợp, chỉ đạo thực hiện giữa các ban, ngành, đoàn thể thiếu chặt chẽ, chưa được thực hiện thường xuyên.

- Công tác đăng ký kết hôn và quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở cơ sở chưa chặt chẽ. Chưa nắm bắt kịp thời, chính xác về tình hình tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại địa phương, số liệu báo cáo chỉ mang tính tương đối vì thực tế ở nhiều nơi vẫn còn diễn ra tình trạng tảo hôn nhưng chính quyền chưa nắm hết.

### **III. Nguyên nhân của những hạn chế**

- Kinh phí thực hiện Đề án do phụ thuộc vào nguồn kinh phí phân bổ của Trung ương nên còn quá hạn hẹp. Hình ảnh Pa nô, áp phích có tác động mạnh, tích cực đến nhận thức và hành vi của người dân nhưng chưa thực hiện đầy đủ trên toàn tỉnh, hiện chỉ mới xây dựng và lắp đặt được 13/17 cụm pano trên địa bàn<sup>7</sup>.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về công tác tuyên truyền, giáo dục, ngăn ngừa tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống chưa được quan tâm đúng mức. Sự vào cuộc của chính quyền địa phương một số nơi đối với các trường hợp vi phạm chưa mạnh mẽ và thiếu kiên quyết. Tình trạng nể nang trong công tác và quan hệ cộng đồng khi xử lý các trường hợp vi phạm còn xảy ra.

- Việc xử phạt đối với người vi phạm theo quy định của pháp luật tảo hôn và hôn nhân cận huyết đã có chế tài xử phạt (theo Điều 47, Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về “*Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã*”), đặc biệt là người đồng bào DTTS gặp nhiều khó khăn, do các gia đình cho con tảo hôn phần lớn là hộ nghèo, không có khả năng nộp phạt.

- Do phong tục, tập quán, trình độ dân trí cũng như quan niệm truyền thống của người đồng bào DTTS về hôn nhân còn lạc hậu, chưa hiểu tác hại, hậu quả của việc kết hôn sớm cũng như chưa hiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là vi phạm pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình chưa được chú trọng quan tâm đúng mức, hiệu quả mang lại chưa cao. Các phương tiện thông tin đại chúng phát triển nhanh (internet, phim ảnh, băng đĩa...) được giới trẻ cập nhật dễ dàng, dẫn đến việc tiếp cận với các phim ảnh đồi trụy và gây nên những ham muốn về tình dục dẫn đến có thai ngoài ý muốn và gia đình buộc phải tổ chức đám cưới hoặc không tổ chức nhưng vẫn về chung sống với nhau như

<sup>7</sup> Xây dựng và lắp đặt 13 cụm pano tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn 13 huyện: Mang Yang, Đức cơ, Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh, Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Kông Chro, Đak Đoa, Kbang, Chư Păh, Ia Grai.



vợ chồng dù chưa đến tuổi kết hôn; sự buông lỏng, dễ dãi của gia đình trong việc quản lý con cái.

## **B. KIẾN NGHỊ**

### **I. Đối với Chính phủ**

Đề nghị xem xét bố trí đủ kinh phí để thực hiện các cơ chế chính sách, chương trình dự án về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm... trong đó ưu tiên đầu tư bố trí nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần ở những khu vực có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao. Trước mắt hỗ trợ cho tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án “*Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020*” theo Quyết định 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### **II. Đối với UBND tỉnh**

1. Đề nghị tỉnh quan tâm chỉ đạo và bố trí nguồn kinh phí hàng năm để đảm bảo triển khai thực hiện Đề án theo Kế hoạch số 5762/KH-UBND, ngày 17/12/2015 và Kế hoạch số 1298/KH-UBND, ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Gia Lai cho các địa phương. Phân bổ trực tiếp kinh phí triển khai thực hiện đề án về huyện để huyện chủ động triển khai công tác tuyên truyền đến thôn, làng.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

3. Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật, thay đổi hành vi trong hôn nhân đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Triển khai và nhân rộng mô hình điểm tại các địa phương có tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ về phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vào chỉ tiêu phấn đấu hàng năm của tỉnh.

### **III. Ban Dân tộc tỉnh**

1. Tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng vùng, từng đối tượng trong việc thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

2. Thường xuyên hướng dẫn cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện, cung cấp thông tin, linh động cụ thể hóa ngôn ngữ trong các tờ gấp phù hợp với từng địa phương để phục vụ công tác tuyên truyền được hiệu quả.

3. Đề nghị tham mưu UBND tỉnh Gia Lai xây dựng các giải pháp cụ thể hơn trong việc phòng ngừa và ngăn chặn nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tổ chức hội thi tuyên truyền “*Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS*”.

4. Tăng cường tổ chức tập huấn, tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân trong vùng đồng bào DTTS, nhất là lứa tuổi vị thành niên, tiến tới giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.



#### IV. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Đề nghị hằng năm quan tâm, chủ động hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án “*giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS, giai đoạn 2016-2020*” có hiệu quả.

2. Tăng cường kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

3. Xây dựng các phóng sự, tin bài về tệ nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên sóng Truyền thanh, truyền hình hàng tháng, quý.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý và nâng cao trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

5. Kiện toàn Ban chỉ đạo Đề án “*Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020*”.

6. Chỉ đạo các phòng, ban, phối hợp với phòng giáo dục - đào tạo tăng cường các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt đoàn, đội, tổ nhóm thi tìm hiểu pháp luật... trong trường học.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát “*tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*” của Ban Dân tộc HĐND tỉnh./.

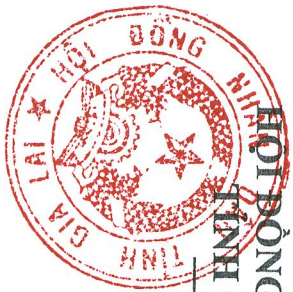
##### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác ĐB VP Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTQVN tỉnh;
- Các thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- LĐ Phòng Tổng hợp;
- Lưu VT- DT.

TM. BAN DÂN TỘC  
TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Diễm



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÌNH TRẠNG TẠO HÔN VÀ HÔN NHÂN**  
**CẬN HUỆT THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2016-2018**  
(Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh)

| STT | Huyện/thị xã/thành phố | Tổng 2016-2018 |                                |               |                                | Năm 2016      |                                |               |                                | Năm 2017      |                                |               |                                | Năm 2018      |                                |               |                                |
|-----|------------------------|----------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------|
|     |                        | Tạo hôn (cặp)  | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) | Tạo hôn (cặp) | Hôn nhân cận huyết thống (cặp) |
|     |                        | Tổng số        | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           | Tổng số       | DTTS                           |
| 1   | Huyện Kbang            | 202            | 198                            | 3             | 3                              | 85            | 84                             | 1             | 1                              | 71            | 69                             | 2             | 2                              | 46            | 45                             | 0             | 0                              |
| 2   | Thị xã An Khê          | 4              | 4                              | 1             | 1                              | 2             | 2                              | 1             | 1                              | 1             | 1                              | 0             | 0                              | 1             | 1                              | 0             | 0                              |
| 3   | Huyện Đăk Pơ           | 67             | 63                             | 2             | 2                              | 18            | 16                             | 0             | 0                              | 30            | 28                             | 2             | 2                              | 19            | 19                             | 0             | 0                              |
| 4   | Huyện Mang Yang        | 377            | 374                            | 0             | 0                              | 120           | 120                            | 0             | 0                              | 164           | 164                            | 0             | 0                              | 93            | 90                             | 0             | 0                              |
| 5   | Huyện Đak Đoa          | 247            | 220                            | 0             | 0                              | 109           | 91                             | 0             | 0                              | 62            | 53                             | 0             | 0                              | 76            | 76                             | 0             | 0                              |
| 6   | Huyện Krông Pa         | 530            | 526                            | 52            | 52                             | 190           | 189                            | 8             | 8                              | 215           | 212                            | 37            | 37                             | 125           | 125                            | 7             | 7                              |
| 7   | Huyện Ia Pa            | 185            | 170                            | 3             | 3                              | 61            | 56                             | 1             | 1                              | 60            | 56                             | 0             | 0                              | 64            | 58                             | 2             | 2                              |
| 8   | Huyện Chư Sê           | 433            | 431                            | 8             | 8                              | 135           | 134                            | 0             | 0                              | 176           | 175                            | 5             | 5                              | 122           | 122                            | 3             | 3                              |
| 9   | Huyện Chư Prông        | 494            | 492                            | 5             | 5                              | 256           | 256                            | 2             | 2                              | 136           | 134                            | 3             | 3                              | 102           | 102                            | 0             | 0                              |
| 10  | Huyện Chư Păh          | 200            | 200                            | 0             | 0                              | 91            | 91                             | 0             | 0                              | 58            | 58                             | 0             | 0                              | 51            | 51                             | 0             | 0                              |
| 11  | Huyện Ia Grai          | 395            | 392                            | 0             | 0                              | 140           | 140                            | 0             | 0                              | 137           | 135                            | 0             | 0                              | 118           | 117                            | 0             | 0                              |



|                  |                 |              |              |           |           |              |              |           |           |              |              |           |           |              |              |           |           |
|------------------|-----------------|--------------|--------------|-----------|-----------|--------------|--------------|-----------|-----------|--------------|--------------|-----------|-----------|--------------|--------------|-----------|-----------|
| 12               | Huyện Đức Cơ    | 377          | 366          | 2         | 2         | 107          | 107          | 0         | 0         | 132          | 132          | 1         | 1         | 138          | 127          | 1         | 1         |
| 13               | Huyện Kông Chro | 99           | 97           | 0         | 0         | 31           | 31           | 0         | 0         | 34           | 33           | 0         | 0         | 34           | 34           | 0         | 0         |
| 14               | Huyện Chư Pưh   | 172          | 172          | 3         | 3         | 52           | 52           | 2         | 2         | 92           | 92           | 1         | 1         | 28           | 28           | 0         | 0         |
| 15               | TP. Pleiku      | 81           | 81           | 0         | 0         | 32           | 32           | 0         | 0         | 36           | 36           | 0         | 0         | 13           | 13           | 0         | 0         |
| 16               | Huyện Phú Thiện | 192          | 126          | 2         | 2         | 63           | 59           | 0         | 0         | 66           | 61           | 1         | 1         | 63           | 6            | 1         | 1         |
| 17               | Thị xã AyunPa   | 55           | 54           | 0         | 0         | 21           | 21           | 0         | 0         | 25           | 24           | 0         | 0         | 9            | 9            | 0         | 0         |
| <b>Tổng cộng</b> |                 | <b>4.110</b> | <b>3.966</b> | <b>81</b> | <b>81</b> | <b>1.513</b> | <b>1.481</b> | <b>15</b> | <b>15</b> | <b>1.495</b> | <b>1.463</b> | <b>52</b> | <b>52</b> | <b>1.102</b> | <b>1.023</b> | <b>14</b> | <b>14</b> |